

187
6

PHỤ LỤC SỐ 4

Q1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT NĂM 2017

SỞ QUẢN LÝ THƯƠNG KHOẢN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 15-06-2018
Số: 14298

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần In Khoa Học Kỹ Thuật
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày 14/9/2006 và đăng ký thay đổi lần 6 số 0100111754 ngày 23/04/2013 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Vốn điều lệ : 15.710.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 16.923.645.217 VND
- Địa chỉ : 101A Nguyễn Khuyến, P. Văn Miếu, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : (024) 3.8237505 / (024)3.7331489
- Số fax : (024) 3.7474713
- Website : <https://inkhkt.vn>
- Mã cổ phiếu : IKH

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển : Công ty Cổ phần In Khoa học kỹ thuật (CPIKHKT) tiền thân là một nhà in tư nhân, được hình thành từ những năm đầu của thế kỷ 20, sau giải phóng thủ đô ngày 10 tháng 10 năm 1954 thực hiện chính sách cải tạo công thương nghiệp của Đảng và Nhà nước, Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội đã quyết định chuẩn y nhà in Minh Sang được hợp doanh với nhà nước dưới hình thức Công ty hợp doanh có định tức với tên gọi : “Công ty hợp doanh xưởng in Minh Sang” trực thuộc sở Văn hoá Thông tin Hà Nội. Kể từ mốc lịch sử ngày 01 tháng 7 năm 1959 đến nay Công ty đã trải qua chặng đường hơn nửa thế kỷ với nhiều tên gọi khác nhau.

Năm 1975, công cuộc chiến tranh cứu nước hoàn toàn thắng lợi, cả nước bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Nhiệm vụ của nhà in Minh Sang lúc này chuyên sâu về in các tài liệu khoa học kỹ thuật để phục vụ cho cuộc cách mạng Khoa học kỹ thuật được xác định là khâu then chốt của công cuộc xây dựng đất nước. Vì vậy năm 1978, nhà in Minh Sang được quyết định đổi tên thành nhà máy In sách Khoa học kỹ thuật. Kể từ đó nhà máy in được chỉ đạo đầu tư chiều sâu để in các loại ấn phẩm phục vụ cho nhu cầu phát triển khoa học kỹ thuật của cả nước.

Đến những năm đầu thời kỳ đổi mới của đất nước và đặc biệt là sự biến đổi lớn của công nghệ in, cả nước ồ ạt chuyển từ in typô là chủ yếu sang công nghệ in Offset. Nhà máy In sách khoa học kỹ thuật lại đứng trước một thử thách khắc nghiệt. Những đầu tư về máy móc, thiết bị, nguyên liệu những năm trước của công nghệ in typô hầu như không còn thích hợp. Những ưu thế của thời kỳ bao cấp không còn nữa khi đất nước chuyển sang cơ chế thị trường. Chính vì vậy, năm 1995, Nhà máy in sách Khoa học kỹ thuật lại được đổi tên thành Công ty In Khoa Học Kỹ

Thuật. Kể từ đây bắt đầu một giai đoạn mới, giai đoạn cạnh tranh theo cơ chế thị trường một cách gay gắt.

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ- BVHTT ngày 18/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ văn hoá Thông tin đến năm 2005 và quyết định số 1178/QĐ-BVHTT, ngày 9/4/2004 của Bộ trưởng Bộ văn hoá thông tin về việc thành lập Ban đổi mới doanh nghiệp Nhà nước tại Công ty In Khoa học kỹ thuật.

Ngày 26 tháng 12 năm 2005 Công ty tiến hành đại hội cổ đông lần thứ nhất thành lập Công ty CP In khoa học kỹ thuật.

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển (01/7/1959 – nay) với nhiều thăng trầm, cùng với nhịp sống của xã hội, Công ty luôn khắc phục khó khăn trở ngại, đổi mới tư duy và phương châm quản lý. Ban đầu với những nhà cấp 4, xưởng sản xuất xây dựng bằng khung sắt mái tôn, máy móc thiết bị vừa ít vừa thô sơ, sản lượng trang ít chỉ vài chục triệu trang in mỗi năm, đến nay nhà xưởng đã xây dựng kiên cố với tòa nhà 4 tầng diện tích sử dụng lên tới hơn 4.000 m², tòa nhà văn phòng 6 tầng hiện nay đang dùng để cho thuê. Máy móc thiết bị, công nghệ đã thay đổi hoàn toàn: từ công nghệ in Typo chuyển sang công nghệ in Offset với dàn máy in Offset 1 màu 1 mặt, 1 màu hai mặt, 2 màu, 4 màu tương đối hiện đại, sản lượng hàng năm tăng lên trên 1,5 – 3 tỷ trang in công nghiệp (17x24)cm

Trên chặng đường hơn nửa thế kỷ, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty qua các thời kỳ đã đóng góp nhiều công sức vượt qua rất nhiều khó khăn để xây dựng Công ty ngày một phát triển, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và kinh tế của Đảng và Nhà nước trong thời bình cũng như thời chiến, góp phần vào sự phát triển của ngành in Việt Nam. Công ty tự hào với nhiều sản phẩm sách báo, tạp chí, nhãn mác, văn hóa phẩm có chất lượng cao phục vụ cho xã hội.

Để ghi nhận những đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, nhiều năm Công ty đã được các cơ quan của Đảng, Nhà nước tặng thưởng như:

- Nhiều bằng khen của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ văn hóa thể thao và Du lịch)
- Bằng khen của thủ tướng Chính phủ
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch
- Và đặc biệt nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (01/7/1959 -01/7/2009) Công ty vui mừng và phấn khởi đón nhận Huân chương Lao động hạng ba mà nhà nước trao tặng.
- Các sự kiện khác: Công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom từ 08/01/2018

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:*

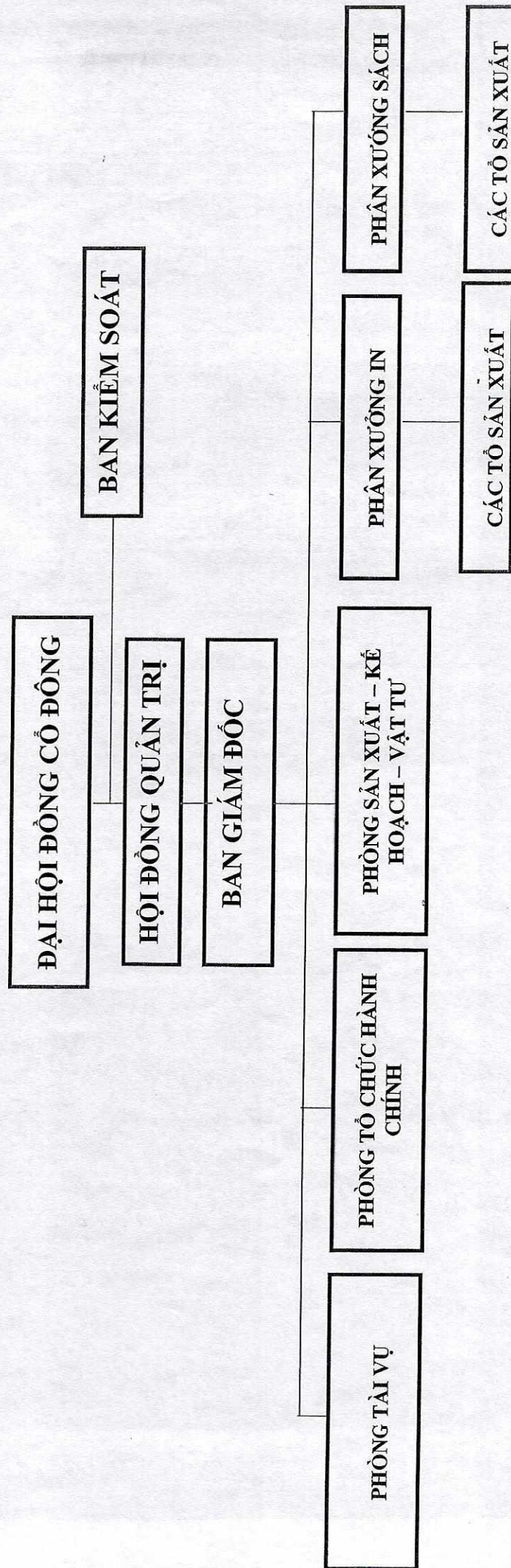
Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Dịch vụ chế bản điện tử và các dịch vụ thương mại khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh mua bán các loại vật tư thiết bị phục vụ trong ngành in; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị ngành in; In các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, tem nhãn, bao bì, các biểu mẫu thống kê, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác quản lý kinh tế, quản lý hành chính theo quy định của pháp luật

- *Địa bàn kinh doanh:* Thành phố Hà Nội và các địa phương trong nước

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Sơ đồ tổ chức và quản lý của CTCP In Khoa Học Kỹ Thuật



❖ Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Hội đồng quản trị:** 5 người gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên.
Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** 03 người gồm: 01 trưởng ban, 02 thành viên.
Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.
- **Ban điều hành:**
- + **Giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm; là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Giám đốc là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
- + **Phó Giám đốc:** là người giúp Giám đốc quản lý điều hành một hoặc một số lĩnh vực được Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.
- + **Kế toán trưởng:** Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực tài chính kế toán.

❖ Các phòng chuyên môn của Công ty: Gồm 03 phòng và 02 phân xưởng:

- **Phòng Tài vụ:**
- + Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, dự toán ngân sách kinh phí hạn mức hàng năm để trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- + Quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách được cấp và các nguồn tài chính ngoài ngân sách, thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý, tổ chức hạch toán kế toán tài chính theo chế độ kế toán của Nhà nước ban hành.
- + Trên cơ sở các nguồn thu, tổ chức cấp phát chi trả các hoạt động của công ty đúng, đủ, kịp thời và chính xác như : lương, phụ cấp, khen thưởng, BHXH và kinh phí đầu tư cho các lĩnh vực hoạt động chuyên môn.
- + Thực hiện tốt nề nếp hành chính, xây dựng và lưu trữ sổ sách, chứng từ, chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.
- + Tổ chức hướng dẫn kiểm tra việc chi tiêu mua sắm tài sản, vật tư, việc thanh toán của các cá nhân và đơn vị trong công ty theo quy định
- + Phối hợp với văn phòng tổ chức kiểm kê tài sản định kỳ, xây dựng kế hoạch mua sắm, tu bổ cơ sở vật chất, thanh lý tài sản và đề xuất việc quản lý xử dụng an toàn và có hiệu quả cho các cá nhân và đơn vị sử dụng tài sản.
- **Phòng Hành chính tổ chức:**
- + Xây dựng bộ máy tổ chức của công ty
- + Xây dựng văn bản về nội quy, quy chế làm việc của công ty trình lên cấp trên xem xét.
- + Tuyển chọn nhân sự với trình độ nghề nghiệp phù hợp với các phòng ban, phân xưởng. Tổ chức nâng cao tay nghề, nghiệp vụ cho CBCNV.

- + Giúp giám đốc quản lý người lao động theo quy định
- + Quản lý công tác hành chính trong công ty : bảo dưỡng hệ thống điện, nước thiết bị nhà xưởng, thiết bị PCCC, bảo đảm mọi hệ thống đều hoạt động tốt.
- + In ấn sao chụp tài liệu theo yêu cầu của công ty
- + Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của giám đốc hoặc người được ủy quyền.

- **Phòng sản xuất – kế hoạch – vật tư:**

- + Cung ứng bảo quản nhập, xuất vật tư, vật liệu.
- + Căn cứ kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm và nhu cầu vật tư của các phòng lập để kiểm tra đối chiếu số lượng, ký mã hiệu, chủng loại ... đối chiếu với hàng tồn kho và sự biến động của thị trường để lập kế hoạch vật tư sát với nhu cầu, đảm bảo tiết kiệm.
- + Căn cứ kế hoạch mua vật tư đã được cấp trên phê duyệt chủ động tìm khách hàng, khai thác nguồn hàng đảm bảo phục vụ sản xuất kịp thời, hiệu quả.
- + Thực hiện nhiệm vụ mua, bán, nhập, xuất, bảo quản vật tư theo đúng Quy chế quản lý vật tư.
- + Xây dựng và bổ sung các nội quy quy định từng loại kho hàng, quy trình nhập xuất, vận chuyển các loại vật tư.
- + Cải tiến đảm bảo khoa học trong công tác quản lý và lập các biện pháp quản lý phù hợp với từng giai đoạn sản xuất.
- + Lập các báo cáo, tháng, quý, năm theo quy định và các đề xuất liên quan, báo cáo Giám đốc.
- + Cùng với các phòng ban liên quan, lập kế hoạch tu sửa kho tàng, bảo dưỡng vật tư trong kho đảm bảo các quy định về an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ vật tư không bị hư hại, mất mát.
- + Lập các phương án sử dụng các loại vật tư ứ đọng, hàng tồn kho.
- + Theo dõi tổng hợp và báo cáo định mức. Giám sát việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu; quản lý về kho tàng vật tư, công cụ, thiết bị, ... phục vụ sản xuất liên quan.
- + **Các đơn vị kinh doanh trực thuộc gồm các tổ sản xuất của phân xưởng In và phân xưởng Sách:** Các phân xưởng này có nhiệm vụ thực hiện trực tiếp các đơn đặt hàng của phân xưởng in và phân xưởng sách đảm bảo chất lượng cũng như quy chuẩn của đơn đặt hàng.

- Danh sách Công ty con: *Không có*

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

5. Các rủi ro:

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017
I	Sản phẩm (trang in 13x19cm)	Triệu trang	1597
II	Tổng doanh thu	Triệu đồng	17.268
1	Doanh thu sản xuất:	Triệu đồng	12.342
2	Doanh thu khác	triệu đồng	4.926
III	Nộp ngân sách NN	triệu đồng	2913
IV	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1.161
V	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	904
VI	Lao động bình quân	Người	64
VII	Thu nhập bình quân	Tr.đ/tháng	4,47

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với KH (%)
I	Sản phẩm (trang in 13x19cm)	Triệu trang	1.900	1597	84,05
II	Tổng doanh thu	Triệu đồng	17.087	17.268	101
1	Doanh thu sản xuất:	Triệu đồng	12.370	12.342	99,77
2	Doanh thu khác	triệu đồng	4.717	4.926	104,43
III	Nộp ngân sách NN	triệu đồng	2.195	2913	132,71
IV	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1.133	1.161	102,47
V	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	887	904	101,92
VI	Lao động bình quân	Người	63	64	101,59
VII	Thu nhập bình quân	Tr.đ/tháng	4,3-4,5	4,47	100

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

1. Nguyễn Thành Sơn: Giám đốc
2. Phạm Thị Thanh Phương: Phó Giám đốc (nghỉ hưu từ 1/4/2017)
3. Vũ Quế Anh: Phó Giám đốc
4. Phạm Văn Hoan: Kế toán trưởng (nghỉ hưu từ 1/8/2017)

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng thay các đồng chí về nghỉ hưu.

1. Vũ Quốc Toàn: Phó giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/10/2017)
2. Vũ Thị Hưng: Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 01/10/2017)

❖ Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động của Công ty Cổ Phần In Khoa Học Kỹ Thuật tại thời điểm 31/12/2017

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên đại học	11	17%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	12	19%
3	Lao động phổ thông	41	64%
II	Theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	38	59%
	Lao động gián tiếp	26	41%
III	Theo giới tính		
	Nam	34	53%
	Nữ	30	47%
	Tổng cộng	64	100%

❖ Số lượng người lao động trong Công ty

Số lượng người lao động trong công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017: 64 người

❖ Chế độ đối với người lao động trong Công ty

- Chính sách đào tạo

Công ty rất chú trọng việc đào tạo các nghiệp vụ kỹ thuật in ấn cho nhân viên. Việc đào tạo tập trung được diễn ra hàng quý. Công ty hỗ trợ về thời gian cũng như chi phí đối với người lao động nếu họ tìm được những chương trình tự đào tạo phù hợp. Đồng thời kết hợp với hình thức đào tạo tại công ty thông qua các khóa học nghiệp vụ ngắn hạn.

- **Chính sách trợ cấp**

Áp dụng hình thức trợ cấp thôi việc, hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động.

- **Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, 40h/tuần

- **Chính sách lương, thưởng**

Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, khoán lợi nhuận đối với các đơn vị trực tiếp kinh doanh. Việc áp dụng chính sách lương năng suất cho các đơn vị kinh doanh nhằm khuyến khích hiệu quả sản xuất của các đơn vị, tạo động lực cho người lao động làm việc tích cực hơn. Công ty áp dụng các chính sách thưởng như tháng lương thứ 13, thưởng vào các ngày lễ, Tết,...

- **Chế độ bảo hiểm**

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể người lao động đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.

- **Chế độ chính sách khác**

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định pháp luật, Công ty tiếp tục duy trì và đảm bảo các chế độ khác như: hỗ trợ tiền ăn giữa ca cho người lao động, may và cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức đi tham quan nghỉ mát hàng năm,...

1. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 21/07/2017 của Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc phân phối lợi nhuận năm 2016, theo đó ĐHĐCĐ quyết định chia cổ tức năm 2016, công ty chia cổ tức là 4%.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a, Các khoản đầu tư lớn

b, Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
- Tổng giá trị tài sản	23.991.382.786	21.180.807.684	88,29
- Doanh thu thuần	15.763.724.689	16.996.760.829	107,82
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	735.609.806	1052.792.043	143,12
- Lợi nhuận khác	325.915.285	108.442.595	33,27
- Lợi nhuận trước thuế	1.061.525.091	1.161.234.638	109,39
- Lợi nhuận sau thuế	831.838.895	904.248.182	108,7

- Các chỉ tiêu khác

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,25	1,55	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,06	0,08	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	29,76	20,10	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	42,37	25,16	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho + Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	2,43	2,787	Lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,65	0,8	Lần

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,28	5,32	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	4,93	5,34	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,47	4,27	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,66	6,19	%
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, *Cổ phần*: Tổng số cổ phần: 1.571.000 Cổ phần

Số lượng của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 1.571.000

b, *Cơ cấu cổ đông*:

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ Phần In Khoa Học Kỹ Thuật

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Cổ đông trong nước	109	1.571.000	100%
	- Cá nhân	108	770.240	49,03%
	• Tổ chức	01	800.760	50,97%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	• Cá nhân	-	-	-
	• Tổ chức	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng		1.571.000	100%

c, *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*: Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ kể từ khi hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. Tính đến thời điểm hiện tại vốn điều lệ của công ty là **15.710.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bảy trăm mười triệu đồng chẵn ./.)

d, *Giáo dịch cổ phiếu quỹ*: Không có

e, *Các chứng khoán khác*: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a, Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 10.591.024.040 đồng.

b, Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a, Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 253.000kw

b, Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

6.3. Tiêu thụ nước

a, Nguồn cung cấp: Công ty TNHH nước sạch Hà Nội.

Lượng nước tiêu thụ: 3459m³

b, Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

a, Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

- Không có

b, Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

- Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a, Số lượng lao động trong công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017: 64 người

Thu nhập trung bình: 4,47 triệu đồng/người/tháng.

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, 40h/tuần

c, Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty rất chú trọng việc đào tạo các nghiệp vụ kỹ thuật in ấn cho cán bộ công nhân viên. Việc đào tạo tập trung được diễn ra hàng quý. Công ty hỗ trợ về thời gian cũng như chi phí đối với người lao động nếu họ tìm được những chương trình tự đào tạo phù hợp. Đồng thời kết hợp với hình thức đào tạo tại công ty thông qua các khóa học nghiệp vụ ngắn hạn.

• Chính sách trợ cấp

Áp dụng hình thức trợ cấp thôi việc, hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động.

• Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, 40h/tuần

• Chính sách lương, thưởng

Công ty đã xây dựng quy chế trả lương theo sản phẩm đối với các bộ phận trực tiếp sản xuất. Việc áp dụng chính sách lương năng suất cho các bộ phận kinh doanh nhằm khuyến khích hiệu quả sản xuất của các đơn vị, tạo động lực cho người lao động làm việc tích cực hơn. Công ty áp dụng các chính sách thưởng như tháng lương thứ 13, thưởng vào các ngày lễ, Tết,...

- **Chế độ bảo hiểm**

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể người lao động đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty tham gia ủng hộ các quỹ, hỗ trợ các hoạt động ở phường sở tại và các phong trào của tổ chức công đoàn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 sản lượng sản xuất tính theo trang in quy đổi không đạt kế hoạch và thấp hơn năm 2016 do một số yếu tố sau:

Nguồn việc thường xuyên là sách giáo dục có sự thay đổi và biến động đáng kể. Tỷ lệ trang in màu giảm rất nhiều. Chính vì vậy sản lượng sản xuất tính trang in quy đổi thấp, nhưng tính theo trang sách thành phẩm thì năm 2017 cao hơn so với năm 2016.

Năm 2017 giải quyết các vấn đề tồn đọng từ các năm trước: Năm 2017 nộp truy thu tiền nợ chậm nộp tiền thuê đất các năm. Nộp phí công ty đại chúng các năm, thuê đơn vị tư vấn lưu ký chứng khoán và lên sàn Upcom, truy thu tiền chênh lệch thuế nhập khẩu và phạt chậm nộp của các lô nhập khẩu vật tư in từ năm 2011 đến năm 2014 do kê khai thuế suất (Tổng cục hải quan quyết định đối với hầu hết các đơn vị có nhập khẩu mặt hàng bản kẽm in Offset)

Có nhiều lý do ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh với các đơn vị trong ngành kể cả đối với các nhà in tư nhân. Một nguyên nhân quan trọng đó là do công nghệ, máy móc thiết bị của dây truyền sản xuất của Công ty là quá lạc hậu, chất lượng kém và không đồng bộ. Điều này dẫn tới năng suất, chất lượng kém. Tốn nhiều nhân lực, tiêu hao nguyên vật liệu nhiều, chi phí sửa chữa vận hành lớn... Nên với các mặt hàng yêu cầu chất lượng từ mức trung bình khá trở lên là hoàn toàn không thể đáp ứng được.

Nguyên nhân quan trọng nữa là con người: đó là trình độ quản lý, quản trị của BĐH chưa thực tốt trong điều kiện hiện có. Lực lượng lao động ngày một giảm sút do nghỉ, chuyển công tác và trường hợp đặc biệt khác. Ngành in ngày càng phát triển với công nghệ in và gia công sau in

liên tục đổi mới và hiện đại hơn. Một mặt sử dụng ít lao động hơn trong khi Công ty vẫn trên tinh thần sản xuất dùng “sức người” thì hiệu quả rất thấp.

Để đầu tư, thay đổi và cơ cấu lại sản xuất là một vấn đề lớn và có thời gian. Song cần phải có kế hoạch và quyết tâm nếu muốn duy trì và phát triển sản xuất.

Mặc dù với tình hình thực trạng nhưng năm 2017 Công ty đã cố gắng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận và các chỉ tiêu khác cơ bản đều tốt hơn cùng kỳ năm trước. Kể cả năm số lượng lao động giảm, áp lực tăng và cải thiện thu nhập cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tình hình đất đai, nhà xưởng

Tình hình đất đai, nhà xưởng của Công ty Cổ phần In Khoa Học Kỹ Thuật

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giao/mua/ thuê	Hiện trạng sử dụng
1	101A Nguyễn Khuyến, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội	2.547,5	Đất thuê, chưa có hợp đồng thuê đất	Sản xuất kinh doanh. Cho thuê nhà trên diện tích 700m ²
2	120 Nguyễn Khuyến Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội	58,5	Đất thuê, chưa có hợp đồng thuê đất	Sản xuất kinh doanh. Cho thuê nhà trên diện tích 58,5m ²

- Tình hình tài sản cố định

- ❖ Giá trị tài sản cố định của Công ty Cổ phần In Khoa Học Kỹ Thuật tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Giá trị tài sản cố định tại 31/12/2017

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	25.425.775.109	14.581.299.141	10.909.803.836
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.774.284.627	2.440.635.912	6.966.926.337
2	Máy móc, thiết bị	14.645.414.225	11.339.016.392	3.610.709.378
3	Phương tiện vận tải	890.208.857	743.710.891	274.236.667
4	Thiết bị văn phòng	115.867.400	57.935.946	57.931.454
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, phí và lệ phí.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	745.316.411	762.373.136
2	Thuế thu nhập cá nhân	32.080.984	18.949.491
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.894.352	344.533.010
4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	983.423.595	1.528.683.453
5	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng		2.111.715.342	2.657.539.090

b. Tình hình công nợ

BĐH thường xuyên theo dõi tổng hợp chi tiết tình hình công nợ. Đẩy mạnh việc thu hồi công nợ, hạn chế tối đa không để phát sinh nợ xấu. Quản lý dòng tiền, cân đối thu chi để đảm bảo thực hiện các khoản chi trả lớn và nghĩa vụ bắt buộc với Nhà nước.

- ❖ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
I	Phải thu ngắn hạn	2.479.698.933	1.474.127.123
1	Phải thu khách hàng	2.542.161.471	1.258.705.766
2	Trả trước người bán	11.000.000	11.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	51.537.462	329.421.357
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-125.000.000	-125.000.000
II	Phải thu dài hạn	27.722.454	-
1	Phải thu dài hạn khác	27.722.454	-
Tổng cộng		2.507.421.387	1.474.127.123

❖ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
I	Nợ ngắn hạn	6.219.171.736	4.062.717.251
1	Phải trả người bán	5.114.386.127	2.652.352.874
2	Người mua trả tiền trước	89.092.190	90.092.190
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	138.541.548	49.980.086
4	Phải trả người lao động	247.951.386	493.271.962
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	275.418.083	8.500.000
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	65.654.545	68.263.638
7	Phải trả ngắn hạn khác	75.876.219	117.525.845
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	293.585.8730
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	212.251.638	289.144.783
II	Nợ dài hạn	920.975.120	194.445.216
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	0	0
2	Phải trả dài hạn khác	975.120	194.445.216
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	920.000.000	-
Tổng cộng		7.140.146.856	4.257.162.467

- Các khoản phải thu không có biến động trong năm 2017 cần chú ý của công ty:

Đơn vị: đồng

STT	Tên đối tượng phải thu	Số dư cuối năm 2016	Số dư đầu năm 2016
1	Công ty BB Phú Hưng: Nhãn Đậu Xanh	85.286.426	85.286.426
2	Tạp chí bờ và biển: Tạp Chí	83.443.000	83.443.000
3	Tạp chí biển Việt Nam: Tạp Chí	29.508.000	29.508.000
4	Công ty TNHH Đào Trọng: Sách	8.243.800	8.243.800
5	Công ty Quảng Cáo Ánh Sáng: In Báo Cáo	31.750.000	31.750.000
6	Nhà Sách Bách Quyên	20.446.000	20.446.000
7	Công ty cổ phần PHS Khoa Học Kỹ Thuật: Văn Bản	15.347.840	15.347.840
8	CN NXB Hà Nội - Xí Nghiệp In và DVTM	125.000.000	125.000.000
9	Xí Nghiệp Giấy Đạt Tiên Lê	29.712.800	29.712.800
10	Xí nghiệp in báo Nhi đồng	29.057.055	29.057.055
11	Công ty In và Sản Xuất Bao Bì Hà Nội	7.957.202	7.957.202
	Tổng	465.752.123	465.752.123

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

❖ Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Định hướng giai đoạn phát triển bền vững (Sau năm 2017)

Đẩy mạnh đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp lại hệ thống văn phòng cho thuê. Mở rộng thêm mạng lưới khách hàng, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để góp vốn liên doanh, cổ phần đầu tư phát triển SXKD với nguyên tắc có định hướng, có chọn lọc, hiệu quả đầu tư cao, phù hợp với năng lực, trình độ, cơ sở vật chất và tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, triển khai kế hoạch mangle in giấy bao bì và nhãn mác.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Có chủ trương và phương án di dời một bộ phận của khối sản xuất ra khu công nghiệp phù hợp với xu hướng chung.

❖ Một số giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

• Công tác quản lý, điều hành

- Đảm bảo thực hiện tốt các qui định của Nhà nước về Công ty đại chúng, Công ty cổ phần trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác kiểm tra, kiểm soát, công tác tài chính, công bố thông tin,...
- Nâng cao kỷ luật trong hoạt động công việc, mọi chỉ thị của Công ty phải được thực thi triệt để trong thời gian nhất định, tạo phong cách mới trong lãnh đạo, quản lý.
- Sắp xếp tổ chức lại các phòng, ban theo chức năng, nhiệm vụ mới phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công ty cổ phần.
- Công tác tổ chức, cán bộ, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động phải phát huy cao độ hơn nữa, duy trì tính kỷ luật lao động, tính chuyên nghiệp trong kinh doanh đó sẽ là động lực cho sự phát triển.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Một số nội dung tại Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán của Công ty như sau:

a) Ý kiến kiểm toán tại BCTC năm 2017

- Đến thời điểm kiểm toán, đơn vị kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của các khoản công nợ người mua trả tiền trước:

- Ý kiến giải trình:

Đến 31/12/2017, công nợ người mua trả trước với giá trị 89.092.190 đồng là các khoản đã phát sinh từ nhiều năm trước (có khoản trên dưới 10 năm). Khách hàng đặt cọc tiền in và các dịch vụ nhưng không thực hiện, nhiều đơn vị cũng không liên lạc được và cũng không phản hồi trong suốt khoảng thời gian trên. BĐH sẽ tiến hành liên hệ lại khách hàng, tìm và tập hợp tài liệu nếu đủ cơ sở sẽ tiến hành xử lý khoản này theo quy định.

- Đơn vị kiểm toán chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng có giá trị 340.752.123 đồng. Các thủ tục thay thế khác chưa đem lại cho đơn vị kiểm toán cơ sở hợp lý để đưa ra ý kiến về các khoản mục công nợ này.

- Ý kiến giải trình:

Vào ngày 31/12 hàng năm, Công ty đều có Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ để gửi đến khách hàng. Tuy nhiên, có một số khoản nợ phát sinh từ rất lâu (năm 2008 – 2011), khách hàng đã bỏ địa điểm kinh doanh hoặc không thể liên lạc được, đến làm việc trực tiếp không gặp được. Những khách hàng này không gửi thư xác nhận công nợ hoặc phản hồi lại cho Công ty dẫn đến đơn vị kiểm toán không nhận được thư xác nhận của các khoản công nợ này. Đồng thời, chưa đủ điều kiện để Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty đang tiếp tục dùng các biện pháp để thu hồi công nợ tuy nhiên khả năng thu hồi được rất thấp do hầu hết khách hàng đã bỏ địa điểm kinh doanh, không thể liên lạc được.

Năm 2014, Công ty chỉ trích lập dự phòng 145 triệu đồng (nay còn 125 triệu do đã trả 20 triệu đồng trong năm 2015 và 2016) đối với khoản nợ của Chi nhánh Công ty TNHH MTV NXB Hà Nội – Xí nghiệp in dịch vụ và thương mại do có xác nhận công nợ, đủ điều kiện trích lập.

b) Kết luận:

Công ty luôn đảm bảo hoạt động SXKD ổn định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, người lao động. Các ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán và sai sót trong hạch toán các khoản mục Quỹ (nếu có) là tồn tại khách quan mang yếu tố lịch sử để lại và đã có giải trình cụ thể ở mục a. Vì vậy, Công ty đề nghị ĐHCĐ thông qua BCTC 2017 được kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a, Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

b, Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c, Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên. Trong đó đại diện phần vốn nhà nước (SCIC) là 03 người – với 01 thành viên quản lý chuyên trách tại Công ty.

Ông Chu Thế Hoàng

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Thành Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Tiến Cường

Ủy viên HĐQT

Bà Nguyễn Lê Trà My

Ủy viên HĐQT

Bà Phan Thị Thu Hương

Ủy viên HĐQT

Từ quý I đến hết quý IV năm 2017, HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 04 lần. Các cuộc họp của HĐQT đều được ghi biên bản và có sự tham gia của ban Kiểm soát Công ty. HĐQT cũng đã ra các nghị quyết với các công việc quan trọng thuộc thẩm quyền. Ngoài các cuộc họp định kỳ thường niên thì các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi liên lạc trực tiếp qua điện thoại, thư điện tử để có thể nắm bắt tình hình công việc một cách thường xuyên và chủ động.

Đối với thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn nhà nước đều có giải trình báo cáo định kỳ của người đại diện, Thông qua đó HĐQT đều đạt được sự thống nhất cao khi thông qua các quyết định, nghị quyết.

Năm 2017 HĐQT đã phê duyệt và thông qua một số việc chính và quan trọng:

- Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017
- Phê duyệt hạn mức tín dụng của Công ty với ngân hàng BIDV thời gian hạn mức từ 01/7/2017 đến 31/6/2018.
- Phê duyệt phương án đấu thầu in sách giáo khoa năm 2018 của Nhà xuất bản giáo dục của Ban điều hành với: hạn mức tham gia tối đa.
- Phê duyệt phương án triển khai thực hiện lưu ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán VSD.
- Phê duyệt phương án niêm yết chứng khoán trên sàn chứng khoán Upcom với nội dung công bố thông tin:
 - + Mã chứng khoán của Công ty: IKH
 - + Giá giao dịch phiên khởi điểm: 10.800đ/cp
 - + Thời gian phiên giao dịch đầu tiên: 08/01/2018.

Về công tác phối hợp chỉ đạo BĐH Công ty với việc tổ chức sản xuất kinh doanh: HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi để BĐH chủ động về cơ cấu tổ chức; chủ động về trang bị sửa chữa máy móc thiết bị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Công tác giám sát quản lý tài chính: HĐQT cũng có trao đổi thường xuyên các công việc liên quan đến như: tình hình công nợ, kiểm soát nợ xấu, việc liên quan đến thủ tục ký hợp đồng thuê đất.

b, Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: không

c, Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

d, Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

e, Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát 03 người gồm:

Bà Đỗ Thị Hạnh	Trưởng ban
Bà Đào Hương Lan	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Phúc	Thành viên

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện kiểm tra giám sát định kỳ báo cáo tài chính của Công ty theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a, Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao: 500.000đ/người/tháng
- Các thành viên trong ban kiểm soát được hưởng thù lao 300.000đ/người/tháng.

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

d, Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** (Trích Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần In Khoa học kỹ thuật được Công ty TNHH tư vấn và kiểm toán VNASC phát hành ngày 02 tháng 3 năm 2018)

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận của các khoản công nợ người mua trả tiền trước, đồng thời chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng với giá trị là 340.752.123 đồng. Các thủ tục thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi các cơ sở hợp lý để đưa ra ý kiến về các khoản mục công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017:

- a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017; và
- b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.610.205.505	8.921.627.518
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		343.742.737	442.159.653
1. Tiền	111	5	343.742.737	442.159.653
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.474.127.123	2.479.698.933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	1.258.705.766	2.542.161.471
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.1	11.000.000	11.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	329.421.357	51.537.462
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9.1	(125.000.000)	(125.000.000)
IV- Hàng tồn kho	140		3.707.896.336	5.328.417.902
1. Hàng tồn kho	141	10.1	3.707.896.336	5.328.417.902
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.084.439.309	671.351.030
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	60.341.530	21.591.213
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95.188.316	200.924.234
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.2	928.909.463	448.835.583
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.570.602.179	15.069.755.268
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	27.722.454
6. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	-	27.722.454
II- Tài sản cố định	220		10.909.803.836	10.849.138.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.909.803.836	10.849.138.468
- Nguyên giá	222		25.491.102.977	25.425.775.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.581.299.141)	(14.576.636.641)
III- Bất động sản đầu tư	230	13	3.574.428.660	3.405.153.672
- Nguyên giá	231		5.482.089.930	5.115.367.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.907.661.270)	(1.710.213.880)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	621.454.545
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14.2	-	621.454.545
VI- Tài sản dài hạn khác	260		86.369.683	166.286.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	86.369.683	166.286.129
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.180.807.684	23.991.382.786

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	31/12/2016
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		4.257.162.467	7.140.146.856
I- Nợ ngắn hạn	310		4.062.717.251	6.219.171.736
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.1	2.652.352.874	5.114.386.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.1	90.092.190	89.092.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.1	49.980.086	138.541.548
4. Phải trả người lao động	314		493.271.962	247.951.386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.1	8.500.000	275.418.083
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19.1	68.263.638	65.654.545
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.1	117.525.845	75.876.219
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.1	293.585.873	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		289.144.783	212.251.638
II- Nợ dài hạn	330		194.445.216	920.975.120
7. Phải trả dài hạn khác	337	20.2	194.445.216	975.120
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.2	-	920.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.923.645.217	16.851.235.930
I- Vốn chủ sở hữu	410	22	16.923.645.217	16.851.235.930
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22.a	15.710.000.000	15.710.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		309.397.035	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	309.397.035
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.b	904.248.182	831.838.895
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		21.180.807.684	23.991.382.786

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hưng



MẪU B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	16.993.760.829	15.763.724.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	16.993.760.829	15.763.724.689
4. Giá vốn hàng bán	11	24	12.594.918.366	11.764.112.973
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.398.842.463	3.999.611.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.042.251	7.874.872
7. Chi phí tài chính	22	26	98.912.222	28.010.280
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		95.322.626	27.264.376
8. Chi phí bán hàng	25	27.1	227.218.238	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.2	3.022.962.211	3.243.866.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.052.792.043	735.609.806
11. Thu nhập khác	31	28	273.882.937	368.415.774
12. Chi phí khác	32	28	165.440.342	42.500.489
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	108.442.595	325.915.285
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.161.234.638	1.061.525.091
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	256.986.456	229.686.196
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		904.248.182	831.838.895
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	576	529

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hưng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.773.165.730	13.510.124.339
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.392.211.299)	(6.587.491.980)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.769.172.246)	(2.639.045.056)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(110.240.709)	(12.346.293)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(344.533.010)	(347.894.352)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		283.860.840	115.706.997
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.230.531.615)	(4.137.944.454)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>1.210.337.691</i>	<i>(98.890.799)</i>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.552.604)	(43.573.655)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.042.251	7.874.872
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(54.510.353)</i>	<i>(35.698.783)</i>
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
3	Tiền thu từ đi vay	33		867.250.093	920.000.000
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.493.664.220)	(415.001.460)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(627.830.127)	(537.674.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.254.244.254)</i>	<i>(32.675.460)</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(98.416.916)	(167.265.042)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		442.159.653	609.424.695
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		343.742.737	442.159.653

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hưng

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHTT ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày ngày 14 tháng 09 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng vốn điều lệ: **15.710.000.000 VND** (Mười lăm tỷ, bảy trăm mười triệu đồng chẵn).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất in ấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Dịch vụ chế bản điện tử và các dịch vụ thương mại khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh mua bán các loại vật tư thiết bị phục vụ trong ngành in; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị ngành in; In các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, tem nhãn, bao bì, các biểu mẫu thống kê, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác quản lý kinh tế, quản lý hành chính theo đúng quy định của pháp luật;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Công ty có chu kỳ kinh doanh 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán thành phẩm, tiền gia công hàng hoá cho đơn vị khác; Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Tại ngày 31/12/2017 Công ty có trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty được đánh giá theo chi phí nguyên liệu chính của sản phẩm.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành tương đương.

Tại ngày 31/12/2017 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- o Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- o Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- o Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u> (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị dụng cụ, quản lý	05 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà, một phần của nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- o Tòa nhà điều hành 5 tầng (1500 m²) tại số 101 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội.
- o Tòa nhà 3 tầng (118,5 m²) tại số 101 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- o Tòa nhà 120 (196 m²) Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- o 209 m² nhà 4 tầng (4255 m²) Phía cổng Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- o Nhà 4 tầng (106,8m²) Phía cổng Ngô Tất Tố phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- o Nhà 4 tầng (45m²) Phía cổng Ngô Tất Tố phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u> (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng cho thuê được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 02 năm đến 03 năm. Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- o Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- o Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về tiền đặt cọc đồng phục của người lao động, tiền trợ cấp ốm đau thai sản của bảo hiểm xã hội cho người lao động, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Tại ngày 31/12/2017 Công ty không trích lập dự phòng phải trả.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay; chi phí phải trả cho người bán, trích trước chi phí tiền lương, trong đó:

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của Chủ sở hữu, được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi (lỗ) sau thuế TNDN và tình hình xử lý lãi (lỗ) của Công ty.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: Giá thành sản xuất của sản phẩm, giá vốn của khấu hao bất động sản đầu tư.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí chào hàng, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt	44.885.704	59.824.175
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	298.857.033	382.335.478
Cộng	343.742.737	442.159.653

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
6.1 Ngắn hạn	1.258.705.766	2.542.161.471
Công ty Bao bì Phú Hưng: Nhãn Đậu Xanh	85.286.426	85.286.426
Tạp chí Bờ và Biển: Tạp Chí	83.443.000	83.443.000
Tạp chí Biển Việt Nam: Tạp Chí	29.508.000	29.508.000
Công ty TNHH Đào Trọng: Sách	8.243.800	8.243.800
Công ty Quảng cáo Ánh Sáng: In Báo cáo	31.750.000	31.750.000
Nhà sách Bách Quyên: Sách	20.446.000	20.446.000
Công ty Cổ phần Phát hành sách KHKT: Văn bản	15.347.840	15.347.840
CN NXB Hà Nội - Xí nghiệp In và Dịch vụ Thương mại	125.000.000	125.000.000
Xí nghiệp Giấy Đạt Tiến Lê	29.712.800	29.712.800
Xí nghiệp In báo Nhi đồng	29.057.055	29.057.055
Công ty In và Sản xuất Bao bì Hà Nội	7.957.202	7.957.202
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	-	14.548.000
Nhà Xuất bản Phụ Nữ	-	178.700.000
Tạp chí Con đường xanh	19.844.000	-
Công ty TNHH KPMG	25.025.000	-
NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật	34.124.998	-
Công ty TNHH KPMG	25.025.000	-
Công ty TNHH Tài Tâm	590.574.000	41.250.000
Công ty TNHH Bao Bì Duy Quân	-	40.524.000
Công ty TNHH Sản xuất và công nghiệp PP	3.143.052	60.621.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và dịch vụ TM - LT	17.760.000	71.500.000
Lê Thị Bằng	-	30.088.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và PT Giáo dục Hà Nội	-	458.775.800
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Bắc	-	299.460
Tổng công ty Điện Lực Hà Nội	5.610.000	998.250.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	63.267.593	181.853.088
Chi nhánh Công ty luật TNHH KPMG tại Hà Nội	8.580.000	-

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
7.1 Ngắn hạn	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm Toán VNASC	11.000.000	11.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
8.1 Ngắn hạn	329.421.357	51.537.462
Phải thu khác	21.906.533	-
Phải trả phải nộp khác dự Nợ 338	301.514.824	44.537.462
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc</i>	12.486.934	9.007.770
<i>Ôm đầu thai sản</i>	-	2.964.481
<i>Thu BHXH 11,5%</i>	27.040.181	27.342.055
<i>Thu các Công ty thuê nhà</i>	6.950.913	5.223.156
<i>Tiền lãi do chậm nộp tiền thuê đất</i>	255.036.796	-
Tạm ứng	6.000.000	7.000.000
8.2 Dài hạn	-	27.722.454
<i>Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội</i>	-	23.540.379
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội</i>	-	4.182.075

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
9.1 Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(125.000.000)	(135.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	10.000.000
Số dư cuối năm	(125.000.000)	(125.000.000)
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(125.000.000)	(125.000.000)

10 HÀNG TỒN KHO

10.1 Hàng tồn kho

	31/12/2017		31/12/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.747.835.071	-	2.533.835.136	-
Công cụ, dụng cụ	16.572.751	-	3.105.490	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.943.488.514	-	2.791.477.276	-
Cộng	3.707.896.336	-	5.328.417.902	-

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
11.1 Ngắn hạn	60.341.530	21.591.213
Công cụ, dụng cụ	60.341.530	21.591.213
11.2 Dài hạn	86.369.683	166.286.129
Công cụ, dụng cụ	86.369.683	166.286.129

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	9.774.284.627	14.645.414.225	890.208.857	115.867.400	25.425.775.109
Tăng trong năm	-	621.454.545	299.167.273	-	920.621.818
Mua sắm	-	621.454.545	299.167.273	-	920.621.818
Giảm trong năm	366.722.378	317.143.000	171.428.572	-	855.293.950
Chuyển sang BĐS đầu tư	366.722.378	-	-	-	366.722.378
Thanh lý, nhượng bán	-	317.143.000	171.428.572	-	488.571.572
Số cuối năm	9.407.562.249	14.949.725.770	1.017.947.558	115.867.400	25.491.102.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	2.340.290.258	11.296.132.320	890.208.857	50.005.206	14.576.636.641
Tăng trong năm	190.098.423	360.027.072	24.930.606	7.930.740	582.986.841
Khấu hao trong năm	190.098.423	360.027.072	24.930.606	7.930.740	582.986.841
Giảm trong năm	89.752.769	317.143.000	171.428.572	-	578.324.341
Chuyển sang BĐS đầu tư	89.752.769	-	-	-	89.752.769
Thanh lý, nhượng bán	-	317.143.000	171.428.572	-	488.571.572
Số cuối năm	2.440.635.912	11.339.016.392	743.710.891	57.935.946	14.581.299.141
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	7.433.994.369	3.349.281.905	-	65.862.194	10.849.138.468
Số cuối năm	6.966.926.337	3.610.709.378	274.236.667	57.931.454	10.909.803.836

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 0 VND
 Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 10.304.659.692 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	5.115.367.552	366.722.378	-	5.482.089.930
Giá trị hao mòn lũy kế	1.710.213.880	197.447.390	-	1.907.661.270
Giá trị còn lại	3.405.153.672	169.274.988	-	3.574.428.660

14 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

14.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày 01 tháng 01	621.454.545	-
Tăng trong năm	-	621.454.545
Giảm trong năm	621.454.545	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	-	621.454.545

(*) Bao gồm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Máy vào bìa keo nhiệt	-	390.000.000
Máy khâu chỉ	-	195.000.000
Cước vận chuyển + công tháo lắp	-	36.454.545
Cộng	-	621.454.545

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
15.1 Ngắn hạn	2.652.852.874	5.114.386.127
Công ty TNHH BB Duy Quân	10.965.941	15.431.783
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.586.837.445	1.756.488.477
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại PP	47.321.798	54.694.374
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	1.510.552.848
Công ty TNHH Mạnh Hùng	323.026.642	648.502.034
Công ty Cổ phần SIC	20.635.450	300
Công ty TNHH Thành Thái	68.530.000	144.320.000
DNTN Nguyễn Xuân Hương	7.068.046	14.136.091
Công ty Cổ phần Hóa chất và TB An Hùng Minh	32.652.213	10.693.148
Công ty TNHH Thương mại An Thành	83.205.100	63.712.000
Công ty Cổ phần In Long Thịnh	-	434.500.000
Xí Nghiệp Giấy Long An	397.782.000	315.338.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Giấy Hà Nội	-	146.016.400
Công ty TNHH CN Giấy và SX bao bì Ngọc Diệp	22.436.080	-
Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu in	1.469.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại PT công nghệ Xanh	16.541.800	-
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ HKV Việt Nam	9.570.000	-
Công ty TNHH in ảnh kỹ thuật số Lulu	2.310.759	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Đông Nam Á	22.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
16.1 Ngắn hạn	90.092.190	89.092.190
Công ty TNHH MTV DV bảo vệ An Hưng Phát	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Việt	1.100.000	1.100.000
Phòng thị trường	763.950	763.950
Phạm Ngọc Sương	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	5.000.000	5.000.000
Phạm Ngọc Hà	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần in Hà Nội	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Văn hoá Đông A	1.234.000	1.234.000
Nhà XBĐH Sư phạm	45.575.240	45.575.240
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	13.419.000	13.419.000

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.937.044	256.986.456	344.533.010	46.390.490
Thuế thu nhập cá nhân	4.604.504	17.934.583	18.949.491	3.589.596
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	448.835.583	1.048.609.573	1.528.683.453	928.909.463
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	587.377.131	1.326.530.612	1.895.165.954	978.889.549
<i>Trong đó:</i>				
17.1 Phải nộp	138.541.548	277.921.039	366.482.501	49.980.086
17.2 Phải thu	448.835.583	1.048.609.573	1.528.683.453	928.909.463

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
18.1 Ngắn hạn	8.500.000	275.418.083
Trích trước chi phí tiền lương	-	260.500.000
Chi phí phải trả	8.500.000	14.918.083

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
19.1 Ngắn hạn	68.263.638	65.654.545
Doanh thu từ cho thuê nhà	68.263.638	65.654.545

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
20.1 Ngắn hạn	117.525.845	75.876.219
Kinh phí công đoàn	10.170.713	25.448.219
Các khoản phải thu khác dư có	107.355.132	50.428.000
20.2 Dài hạn	194.445.216	975.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.445.216	975.120

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

	31/12/2017	31/12/2016		
	VND	VND		
21.1 Ngắn hạn	293.585.873	-		
Vay ngắn hạn	293.585.873	-		
21.2 Dài hạn	-	920.000.000		
Vay dài hạn	-	920.000.000		
a. Các khoản vay	Trong năm	31/12/2016		
	VND	VND		
	Giá trị	Giảm		
	Tăng	Giá trị		
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn ngân hàng	293.585.873	867.250.093	573.664.220	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển HN (*)	293.585.873	867.250.093	573.664.220	-
Vay dài hạn cá nhân	-	-	920.000.000	920.000.000
Đỗ Thị Thu Trang	-	-	200.000.000	200.000.000
Lê Thị Hạnh	-	-	250.000.000	250.000.000
Nguyễn Kim Bằng	-	-	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Thu Hương	-	-	210.000.000	210.000.000
Phạm Văn Chuyên	-	-	100.000.000	100.000.000
Trần Thị Lan	-	-	100.000.000	100.000.000
Cộng	293.585.873	867.250.093	1.493.664.220	920.000.000

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn còn số dư tại 31/12/2017:

(*): Đây là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số hạn mức số 2017/135069/HĐHM ký ngày 20 tháng 10 năm 2017. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh... Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hiện tại đang áp dụng mức lãi suất 7,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	15.710.000.000	309.397.035	1.788.076.137	17.807.473.172
Tăng trong năm trước	-	-	831.838.895	831.838.895
Lãi trong năm trước	-	-	831.838.895	831.838.895
Giảm trong năm trước	-	-	(1.788.076.137)	(1.788.076.137)
Giảm khác	-	-	(1.788.076.137)	(1.788.076.137)
Số đầu năm nay	15.710.000.000	309.397.035	831.838.895	16.851.235.930
Tăng trong năm nay	-	-	904.248.182	904.248.182
Lãi trong năm nay	-	-	904.248.182	904.248.182
Giảm trong năm nay	-	-	(831.838.895)	(831.838.895)
Giảm khác	-	-	(831.838.895)	(831.838.895)
Số cuối năm nay	15.710.000.000	309.397.035	904.248.182	16.923.645.217

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp năm 2017	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty CP Sách và TB trường học Hà Tây	0,00%	-	2.065.660.000
Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước	50,97%	8.007.600.000	8.007.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	49,03%	7.702.400.000	5.636.740.000
Tổng cộng	100%	15.710.000.000	15.710.000.000

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	831.838.895	1.788.076.137
Tăng trong năm	904.248.182	831.838.895
Lợi nhuận tăng trong năm	904.248.182	831.838.895
Giảm trong năm	(831.838.895)	(1.788.076.137)
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	<i>(628.400.000)</i>	<i>(1.571.000.000)</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(203.438.895)</i>	<i>(217.076.137)</i>
Số cuối năm	904.248.182	831.838.895

23 DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	15.818.184	11.490.912
Doanh thu bán thành phẩm	12.341.996.283	11.560.311.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.635.946.362	4.191.922.724
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.993.760.829	15.763.724.689

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.619.450	8.422.450
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.472.604.295	11.663.481.167
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.694.621	92.209.356
Cộng	12.594.918.366	11.764.112.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.042.251	7.874.872
Cộng	3.042.251	7.874.872

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	95.322.626	27.264.376
Chi phí đi vay	3.589.596	745.904
Cộng	98.912.222	28.010.280

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
27.1 Chi phí bán hàng	227.218.238	-
Chi phí nhân viên bán hàng	96.845.055	-
Chi phí đồ dùng bán hàng	3.409.212	-
Chi phí KH bộ phận bán hàng	29.102.106	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.737.865	-
Chi phí bằng tiền khác	14.124.000	-
27.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.022.962.211	3.243.866.502
Chi phí nhân viên	1.164.188.287	1.244.474.704
Chi phí vật liệu	15.629.834	11.086.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.125.635	53.066.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.602.514	101.672.989
Thuế, phí, lệ phí	1.187.670.691	994.917.347
Chi phí dự phòng	-	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.621.014	289.525.432
Chi phí bằng tiền khác	311.124.236	559.122.705

28 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý phế liệu	93.329.454	102.047.456
Thu nhập khác từ kiểm kê	85.135.722	264.453.226
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	56.181.818	-
Thu nhập khác	39.235.943	1.915.092
Thu nhập khác	273.882.937	368.415.774
Thanh toán công nhật phế liệu	38.704.500	25.194.600
Chi khác	120.718.818	1.830.364
Phạt nộp chậm tiền BHXH	6.017.024	15.475.525
Chi phí khác	165.440.342	42.500.489
Lợi nhuận khác	108.442.595	325.915.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.333.573.971	8.726.677.462
Chi phí nhân công	3.790.886.525	3.839.136.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.681.462	696.396.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.598.516.213	350.811.816
Chi phí khác	1.667.049.969	1.596.540.541
Cộng	15.080.708.140	15.209.562.079

30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	1.161.234.638	1.061.525.091
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>123.697.644</i>	<i>86.905.889</i>
Phạt vi phạm hành chính về thuế	6.017.024	15.475.525
Chi phí hạch toán không đúng kỳ	35.650.620	69.600.000
Thù lao HĐQT và BKS	74.400.000	-
Chi phí không phục vụ hoạt động kinh doanh khác	7.630.000	1.830.364
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	1.284.932.282	1.148.430.980
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9)=(7)+(8)	256.986.456	229.686.196

31 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	904.248.182	831.838.895
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	904.248.182	831.838.895
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu	1.571.000	1.571.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	576	529

32 THU NHẬP BAN GIÁM ĐỐC

			Năm nay VND	Năm trước VND
Chức vụ				
Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc		75.337.143	68.816.778
Bà Phạm Thanh Phương	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm	14.604.071	45.126.267
Bà Vũ Quế Anh	Phó Giám đốc		55.326.905	52.840.813
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm	55.242.441	-
Ông Phạm Văn Hoan	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm	39.026.012	54.402.754
Bà Vũ Thị Hưng	Kế toán trưởng		46.665.483	-
Cộng			286.202.055	221.186.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

33 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	31,21	37,19
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	68,79	62,81
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	20,10	29,76
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,90	70,24
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	4,98	3,36
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,55	1,25
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,08	0,06
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,83	6,73
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	5,32	5,28
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,48	4,42

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

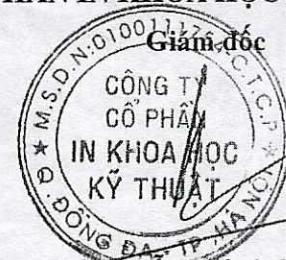
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hưng



Nguyễn Thành Sơn

13/6/2018

Xem tệp tin trình duyệt lại

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT

Chuyển tiền trong nước



Trang chủ [] >> Thanh toán [] >> Chuyển tiền điện tử [] >> Chuyển tiền trong nước [] >> Xem []

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 431,200.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	Cong ty CP xuất nhập khẩu ngành in SIC
Bank Name	NHTMCP QUAN DOI	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHTMCP QUAN DOI- HOI SO CHINH - HA NOI
Số tài khoản người hưởng	0641100266003		
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 431,200.00
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien Ghi ban kem cho HD 01925		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004035094130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Vu Thi Thy

Checker 2

Name:

.....

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

13/6 - 268.659.146

13/6/2018

Xem tệp tin trình duyệt lại

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT



Chuyển tiền trong nước

[Trang chủ](#) >> [Thanh toán](#) >> [Chuyển tiền điện tử](#) >> [Chuyển tiền trong nước](#) >> [Xem](#)

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVNCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 9,403,900.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	Cong ty DTTM Phat trien CN Xanh Viet Nam
Bank Name	NHTMCP VIET NAM THINH VUONG	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHTMCP VN THINH VUONG-CN NGO QUYEN-HANOI
Số tài khoản người hưởng	71493555	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 9,403,900.00
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Nội dung chuyển tiền	
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien Gia cong ban kem cho HD 047		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004035022130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Vu Thi Hong

Checker 2

Name:

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

13/6/2018

Chào mừng quý khách đến với dịch vụ trực tuyến của BIDV

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT



Chuyển tiền trong BIDV (bên thứ 3)

Trang chủ >> Thanh toán >> Chuyển tiền điện tử >> Chuyển tiền trong BIDV (bên thứ 3) >> Xem >>

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVNCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 10,747,000.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	CTY TNHH RULO NAM HAI
Chi nhánh người hưởng	NHTMCP DT VA PTVNCN HA NOI	Số tài khoản người hưởng	21110000001541
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 10,747,000.00
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien HD 05114		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	6,600.00	Số phí	6,000.00
VAT	600.00		

Số tham chiếu	004034935130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 2

Name:

.....

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

13/6/2018

Xem tệp tin trình duyệt lại

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT



Chuyển tiền trong nước

Trang chủ [] >> Thanh toán [] >> Chuyển tiền điện tử [] >> Chuyển tiền trong nước [] >> Xem []

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 23,517,463.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	Cong ty co phan An Hung Minh
Bank Name	NHTMCP QUAN DOI	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHTMCP QUAN DOI- HOI SO CHINH - HA NOI
Số tài khoản người hưởng	0591100201001		
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 23,517,463.00
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien Muc theo HD 0462,0694		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004035457130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Vu Thi Hung

Checker 2

Name:

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

13/6/2018

Xem tệp tin trình duyệt lại

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT



Chuyển tiền trong nước

Trang chủ >> Thanh toán >> Chuyển tiền điện tử >> Chuyển tiền trong nước >> Xem >>

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 55,880,000.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	Cong ty TNHH TMvaDV ky thuat Thanh Thai
Bank Name	NHTMCP A CHAU	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHTMCP A CHAU-CN HA NOI
Số tài khoản người hưởng	125171899		
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 55,880,000.00
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien Keo theo HD 0500		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004034781130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------


Maker

Name:


Doan Thi My Chinh

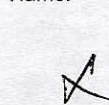
Checker 1

Name:


Vu Thi Hong

Checker 2

Name:


.....

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT

**Chuyển tiền trong nước**

Trang chủ [] >> Thanh toán [] >> Chuyển tiền điện tử [] >> Chuyển tiền trong nước [] >> Xem []

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 15,503,977.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	Doanh nghiệp tu nhan Nguyen Xuan Huong
Bank Name	NH TMCP CONG THUONG VIETNAM	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHTMCP CONGTHUONG-CN KCN TIENSON-BACNINH
Số tài khoản người hưởng	118000116879		
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 15,503,977.00
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien Con theo HD 0810,0821		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004034706130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Vu Thi Hoa

Checker 2

Name:

.....

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

13/6/2018

Xem tệp tin trình duyệt lại

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT

Chuyển tiền trong nước



Trang chủ [] >> Thanh toán [] >> Chuyển tiền điện tử [] >> Chuyển tiền trong nước [] >> Xem []

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVNCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 103,231,680.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	cong ty TNHH thương mại mạnh hung
Bank Name	NHNO PTNT VIET NAM	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHNO VA PTNT-CN DONG ANH - HA NOI
Số tài khoản người hưởng	3140201007010		
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 103,231,680.00
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Học Ky Thuat tra tien Giay va Gia cong Giay cho HD 01711 va mot phan HD 01756		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004034606130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Tran Thi Huyen

Checker 2

Name:

.....

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

13/6/2018

Xem tệp tin trình duyệt lại

Tên : DOAN THI MY CHINH

Số mối quan hệ khách hàng : 135069

Tên doanh nghiệp : CTY CO PHAN IN KHOA HOC KY THUAT

Chuyển tiền trong nước



Trang chủ [] >> Thanh toán [] >> Chuyển tiền điện tử [] >> Chuyển tiền trong nước [] >> Xem []

Chi tiết ghi nợ

Số tài khoản ghi nợ	21110000007345	Chi nhánh ghi nợ	NHTMCP DT VA PTVCN HA NOI
Số tiền ghi nợ/ Loại tiền tệ	VND 48,943,926.00	Ngày giá trị	13/06/2018
Tham chiếu khách hàng			

Chi tiết thanh toán

Mã người thụ hưởng	ADHOC	Tên người hưởng	Cong ty TNHH Thuong mai An Thanh
Bank Name	NH TMCP CONG THUONG VIETNAM	Chi nhánh ngân hàng người hưởng	NHTMCP CONG THUONG VIET NAM - HA NOI
Số tài khoản người hưởng	117000001918	Số tiền thanh toán / Loại tiền tệ	VND 48,943,926.00
Ngày khởi tạo	13/06/2018	Đối tượng chịu phí	Người chuyển
Đối tượng chịu phí	Người chuyển	Tài khoản thu phí/ Loại tiền tệ	21110000007345-VND
Nội dung chuyển tiền	Khoa Hoc Ky Thuat tra tien vat tu cho An Thanh theo HD 0351,0354,0360,0364,0368,0382		

Thông tin mua bán ngoại tệ

Tham chiếu hợp đồng	Cán bộ phụ trách
Tỷ giá thỏa thuận	

Tổng số phí	16,500.00	Số phí	15,000.00
VAT	1,500.00		

Số tham chiếu	004034500130618	Trạng thái	Chờ phê duyệt
---------------	-----------------	------------	---------------

Maker

Name:

Doan Thi My Chinh

Checker 1

Name:

Vu Thi Thuy

Checker 2

Name:

.....

Tỷ giá này chỉ mang tính tham khảo. Giao dịch của quý khách sẽ được thực hiện theo tỷ giá thực tại thời điểm ngân hàng nhận và xử lý

Bảng kê hóa đơn chưa thanh toán

STT	Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Thuế VAT	Cộng	Ghi chú
I Công ty TNHH Thương mại An Thành						
1	04/04/2018	0000351	11.680.000	1.168.000	12.848.000	} 48.943.926 x
2	05/04/2018	0000354	4.761.000	476.100	5.237.100	
3	10/04/2018	0000360	12.382.000	1.238.200	13.620.200	
4	11/04/2018	0000364	11.680.000	1.168.000	12.848.000	
5	14/04/2018	0000368	1.711.479	171.147	1.882.626	
6	21/04/2018	0000382	2.280.000	228.000	2.508.000	
7	04/05/2018	0000400	16.860.000	1.686.000	18.546.000	
8	10/05/2018	0000409	1.711.479	171.147	1.882.626	
9	11/05/2018	0000412	30.179.000	3.017.900	33.196.900	
10	15/05/2018	0000415	500.000	50.000	550.000	
11	29/05/2018	0000449	26.055.000	2.605.500	28.660.500	
			119.799.958	11.979.994	131.779.952	
II Công ty TNHH Đầu tư và công nghệ HKV Việt Nam						
1	08/05/2018	0001014	8.700.000	870.000	9.570.000	
			8.700.000	870.000	9.570.000	
III Công ty TNHH công nghiệp giấy và sản xuất bao bì Ngọc Diệp						
1	18/04/2018	0006725	18.667.112	1.866.711	20.533.823	} 33.231.680 70.000.000 103.231.680 x
2						
			18.667.112	1.866.711	20.533.823	
IV Công ty TNHH thương mại Mạnh Hùng						
1	31/03/2018	0001711	30.210.618	3.021.062	33.231.680	} 33.231.680 70.000.000 103.231.680 x
2	19/04/2018	0001756	173.144.790	17.314.479	190.459.269	
3	23/04/2018	0001766	125.380.710	12.538.071	137.918.781	
4	29/04/2018	0001785	6.108.911	610.891	6.719.802	
			334.845.029	33.484.503	368.329.532	
V Công ty TNHH Sản xuất và công nghiệp PP						
	28/04/2018	0002963	1.210.880	121.088	1.331.968	
			1.210.880	121.088	1.331.968	

VI	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn xuân Hương						
1	26/03/2018	0000810	7.047.273	704.727	7.752.000	} 15.503.977	
2	07/04/2018	0000821	7.047.252	704.725	7.751.977		
3	31/05/2018	0000850	7.047.252	704.725	7.751.977		
			21.141.777	2.114.177	23.255.954		
VII	Công ty CP chứng khoán Asean						
			40.000.000	4.000.000	44.000.000	10/10 TT 22.000.000	
			40.000.000	4.000.000	44.000.000		
VIII	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Thành Thái						
1	15/03/2018	0000500	50.800.000	5.080.000	55.880.000	} 55.880.000	
2	17/05/2018	0000036	45.900.000	4.590.000	50.490.000		
			96.700.000	9.670.000	106.370.000		
IX	Công ty CP An Hùng Minh						
1	10/04/2018	0000462	14.667.240	1.466.724	16.133.964	} 23.577.463	
2	27/04/2018	0000694	6.712.272	671.227	7.383.499		
3	15/05/2018	0000930	11.225.430	1.122.543	12.347.973		
			32.604.942	3.260.494	35.865.436		
X	Công ty TNHH In Bao bì Duy Quân					0	
	11/01/2018	0001194	9.999.650	999.965	10.999.615		
			9.999.650	999.965	10.999.615		
XI	Công ty TNHH Ru lô Nam Hải						
	01/04/2018	0005114	9.770.000	977.000	10.747.000	} 10.747.000	
			9.770.000	977.000	10.747.000		
XII	Công ty CP Đầu tư thương mại phát triển CN Xanh						
	10/03/2018	0000047	8.549.000	854.900	9.403.900	} 9.403.900	
			8.549.000	854.900	9.403.900		
XIII	Cty CP XNK ngành in SIC						
	28/04/2018	0001925	392.000	39.200	431.200	} 431.200	
			392.000	39.200	431.200		
XIV	Cty TNHH Tạp phẩm ngành in						
	23/04/2018	0000890	4.910.160	491.016	5.401.176	} 267.569.146	
			4.910.160	491.016	5.401.176		

trả 1 phần

Tổng nợ

778.019.556

22.000.000

còn nợ

756.019.556

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Sơn